

Bản án số: 98/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Lưu Thế Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị TTM - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh LVQ - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị TTM, vắng mặt anh LVQ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2019, bản tự khai ngày 25/3/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị TTM trình bày: Chị TTM và anh LVQ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2000 tại UBND xã L, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn, anh LVQ thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi người một nơi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Sau đó năm 2013 chị TTM đi xuất khẩu lao động thì mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt hơn, anh LVQ cho rằng chị thiếu quan tâm đến gia đình, không thường xuyên liên lạc

cho chồng, con. Cũng vì thế mà vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, anh LVQ không còn tin tưởng chị. Đến đầu năm 2019 chị TTM hết hợp đồng lao động về nước thì mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không được cải thiện, chị TTM không sống cùng anh LVQ mà về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị TTM xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh LVQ.

Về con chung: Vợ chồng chị TTM có 03 con chung, cháu M, sinh ngày 09/10/2002, cháu H, sinh ngày 21/12/2009 và cháu L, sinh ngày 16/7/2012. Chị TTM có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc hai cháu H và L, anh LVQ trực tiếp chăm sóc cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị TTM xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2019, bị đơn anh LVQ trình bày: Anh và chị TTM kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2000 tại UBND xã L, Yên Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau đi Miền Nam làm ăn. Năm 2013, anh LVQ đồng ý cho chị TTM đi xuất khẩu lao động. Thời gian chị TTM đi xuất khẩu lao động vợ chồng không thường xuyên liên lạc, chị TTM không quan tâm đến chồng con vì vậy tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay chị TTM làm đơn xin ly hôn, anh LVQ xét thấy cuộc sống vợ chồng đôi lúc có mâu thuẫn, nhiều khi bức tức có đánh chửi chị TTM nhưng xong rồi lại thôi. Anh LVQ xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị TTM nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu M, sinh ngày 09/10/2002, cháu H, sinh ngày 21/12/2009 và cháu L, sinh ngày 16/7/2012. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh LVQ có nguyện vọng nuôi cháu M và để chị TTM trực tiếp nuôi hai cháu H và L.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh LVQ xác định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị TTM được ly hôn anh LVQ.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Hằng và cháu Long cho chị TTM trực tiếp nuôi dưỡng, anh LVQ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh LVQ là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Phác Thôn 1, xã L, huyện Yên Định nên việc chị TTM yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Ngày 06/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử, anh LVQ đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 04/7/2019, Tòa án mở lại phiên tòa, anh LVQ đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh LVQ.

[2] Về hôn nhân: Chị TTM và anh LVQ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Yên Định ngày 06/12/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hơn nữa vợ chồng thường xuyên phải làm ăn xa, không có điều kiện gần gũi quan tâm, chia sẻ cùng nhau, lâu dần trở nên xa cách, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn kéo dài không có cách nào hòa giải được. Nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi. Mặc dù anh LVQ có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua việc xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn tại UBND xã L, Tòa án được biết chị TTM và anh LVQ sinh sống tại địa phương có xảy ra đánh đập nhau, chị TTM đã làm đơn báo cáo lên UBND xã và đã tổ chức hòa giải, nhưng chị TTM vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa chị TTM vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh LVQ.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị TTM và anh LVQ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị TTM, xử cho chị được ly hôn anh LVQ.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị TTM và anh LVQ có 03 con chung là cháu M, sinh ngày 09/10/2002, H, sinh ngày 21/12/2009 và L, sinh ngày 16/7/2012. Xét yêu cầu và nguyện vọng chăm sóc con chung của chị TTM và anh LVQ là chính đáng, quá trình giải quyết chị TTM và anh LVQ đều thống

nhất việc chia con, tuy nhiên anh LVQ không đến phiên tòa, nên căn cứ tình hình thực tế, ý kiến của các bên, ý kiến của con chung có trong hồ sơ vụ án, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị TTM, cụ thể: Giao cháu H và cháu L cho chị TTM trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh LVQ trực tiếp chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị TTM phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị TTM được ly hôn anh LVQ.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 21/12/2009 và cháu L, sinh ngày 16/7/2012 cho chị TTM trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu M, sinh ngày 09/10/2002 cho anh LVQ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị TTM và anh LVQ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị TTM phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003216 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (Chị TTM đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị TTM được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh LVQ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã L, Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng